TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ LÁCH** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 224/2019/HNGĐ-ST
Ngày 03-7-2019
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ LÁCH, TỈNH BẾN TRE

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Dũng.

Bà Bùi Thị Thúy Bắc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

Ngày 03 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 158/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2019 về việc: "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54A/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phạm Phú C - Sinh năm: 1974; địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre; có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 21/6/2019.

2. Bị đơn: Bà Hồ Thị X - Sinh năm: 1977; địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre; có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 21/6/2019.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện đề ngày 13 tháng 5 năm 2019, bản tự khai đề ngày 18 tháng 6 năm 2019, biên bản hòa giải ngày 18 tháng 6 năm 2019, nguyên đơn là ông Phạm Phú C (sau đây gọi tắt là ông C) trình bày:

Ông Phạm Phú C và bà Hồ Thị X do quen biết rồi tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1992, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán nhưng không có đăng ký kết hôn. Ông C và bà X chung sống với nhau hạnh phúc được khoảng 16 năm, đến năm 2009 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hợp nhau, thường xuyên cự cải và không có tiếng nói chung. Ông C và bà X đã sống ly thân từ năm 2009 cho đến nay mà không thể hàn gắn

lại được. Do nhận thấy cuộc sống vợ chồng đã không còn hạnh phúc nên ông C yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà X.

+ *Về con chung*: Ông C và bà X có hai người con chung tên là Phạm Hồ H - Sinh ngày: 28/9/1993 và Phạm Hải D - Sinh ngày: 01/4/1998 (hai người con này nay đã trưởng thành, có khả năng lao động để nuôi sống bản thân); ông Phạm Phú C không yêu cầu Tòa án giải quyết gì liên quan đến những người con này.

+ *Về tài sản:* Ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết gì về tài sản.

+ *Về nợ:* Ông C xác định là không có nợ.

- Trong bản tự khai đề ngày 18 tháng 6 năm 2019, biên bản hòa giải ngày 18 tháng 6 năm 2019, bị đơn là bà Hồ Thị X (sau đây gọi tắt là bà X) trình bày:

Bà X hoàn toàn thống nhất với phần trình bày của ông C về thời gian chung sống, việc không có đăng ký kết hôn, nguyên nhân xảy ra mâu thuẩn, thời gian sống ly thân và về con chung. Đối với yêu cầu ly hôn của ông C thì bà X cũng đồng ý ly hôn.

+ Về con chung: Ông C và bà X có hai người con chung tên là Phạm Hồ H - Sinh ngày: 28/9/1993 và Phạm Hải D - Sinh ngày: 01/4/1998 (đã trưởng thành, có khả năng lao động để nuôi sống bản thân); bà Hồ Thị X không yêu cầu Tòa án giải quyết gì liên quan đến những người con này.

+ *Về tài sản:* Bà X không yêu cầu Tòa án giải quyết gì về tài sản.

+ *Về nợ:* Bà X xác định là không có nợ.

Tại phiên tòa sơ thẩm, do ông C và bà X đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên không có lời trình bày của các đương sự này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Phạm Phú C có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc: *"Ly hôn"* với bà Hồ Thị X, đây là loại tranh chấp được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ông C và bà X đều có địa chỉ thuộc huyện C, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại các điều 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn là ông Phạm Phú C và bị đơn là bà Hồ Thị X có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông C, bà X là đúng quy định.

[3] Về hôn nhân: Xét yêu cầu của ông C về việc xin ly hôn đối với bà Xuyên Hội đồng xét xử thấy rằng, mặc dù ông C và bà X tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1992, nhưng cho đến nay vẫn không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do vậy hôn nhân của ông bà là không có giá trị pháp lý, không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Đối với yêu cầu của ông C, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 3 Nghị quyết số:

35/2000/QH10; Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông C và bà X là phù hợp.

[4] Về nuôi con chung: Ông C và bà X có hai người con chung tên là Phạm Hồ H - Sinh ngày: 28/9/1993 và Phạm Hải D - Sinh ngày: 01/4/1998 (đã trưởng thành, có khả năng lao động để nuôi sống bản thân); ông Phạm Phú C và bà Hồ Thị X không yêu cầu Tòa án giải quyết gì liên quan đến những người con này nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về chia tài sản: Ông C, bà X thống nhất xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết gì về tài sản nên không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ: Ông C, bà X xác định là ông, bà không có nợ của ai; đồng thời Tòa án cũng không nhận được đơn yêu cầu giải quyết về nợ có liên quan đến vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét, xử lý.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phạm Phú C phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình, điểm b khoản 3 của Nghị quyết số: 35/2000/NQ-QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình; các điều 5, 147, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1/ Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Phạm Phú C và bà Hồ Thị X.

2/ Về nuôi con chung: Ông C và bà X có hai người con chung tên là Phạm Hồ H - Sinh ngày: 28/9/1993 và Phạm Hải D - Sinh ngày: 01/4/1998 (đã trưởng thành, có khả năng lao động để nuôi sống bản thân); ông Phạm Phú C và bà Hồ Thị X không yêu cầu Tòa án giải quyết gì liên quan đến những người con này nên không xem xét, giải quyết.

3/ Về tài sản: Ông Phạm Phú C, bà Hồ Thị X thống nhất xác định là ông, bà không yêu cầu giải quyết về tài sản nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4/ Về nợ: Ông Phạm Phú C, bà Hồ Thị X xác định là ông, bà không có nợ của ai; đồng thời Tòa án cũng không nhận được đơn yêu cầu giải quyết về nợ có liên quan đến vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét, xử lý.

5/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phạm Phú C phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là: 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004308 ngày 17 tháng 5 năm 2019 của Chi

cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre; ông Phạm Phú C đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

6/ Về quyền kháng cáo, kháng nghị đối với bản án: Ông Phạm Phú C, bà Hồ Thị X có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết; Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre nhận được bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre giải quyết lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Ông Phạm Phú C (01 bản);
- Bà Hồ Thị X (01 bản);
- VKSND huyện Chợ Lách (01 bản);
- Chi cục T.H.A.D.S huyện C (01 bản);
- Phòng KTNV-T.H.A TAND tỉnh Bến Tre (01 bản);
- Lưu: Hồ sơ vụ án(01 bản), Vp(01 bản), Bp(01 bản).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Ngọc Tuyền